

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:112/2020/HS-ST
Ngày: 28/7/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, TP. CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Xuân Ánh**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Phòng Lao động – Thương binh – Xã hội quận Ninh Kiều

2. Bà **Trần Thị Dung**

Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: UBND phường An Phú, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phan Thị Ngọc Diệp** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 105/2020/HSST, ngày 16 tháng 6 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 293/2020/QĐXXST-HS, ngày 06 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:

Bùi Văn Nh, sinh năm: 1957, tại Cần Thơ.

Nơi cư trú: Số 1525/29/16, đường 3/2, Phường 16, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh;

Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm thuê

Trình độ văn hoá: 12/12;

Cha: Bùi Tấn Đức, (Chết);

Mẹ: Vương Nguyệt Thu, sinh năm 1935.

Anh, chị em ruột: 03 người (Lớn sinh năm 1962; nhỏ sinh năm 1968).

Vợ: Nguyễn Thị Phấn, sinh năm 1965;

Con có 02 người, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1994;

Tiền án, tiền sự: Chưa

Bị bắt truy nã, tạm giữ từ ngày 26/01/2020, hiện đang bị tạm giam (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Nguyễn Thị Hoàng** – Văn phòng Luật sư Hoàng Long thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

Người bị hại:

Bà **Võ Thị L**, sinh năm: 1954

Nơi cư trú: 163, đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Minh Th**, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Số 477, đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

(Xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Bùi Văn Nh được thuê làm cửa hàng trưởng của Chi nhánh 2 - Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp 99 (gọi tắt là Chi nhánh 2), địa chỉ số 12A Nguyễn Trãi, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ từ ngày 01/01/2004. Nhân được giao nhiệm vụ là theo dõi bán hàng là xăng dầu và báo cáo sổ sách. Hàng ngày vào lúc 15 giờ, tất cả nhân viên bán hàng tại Chi nhánh 2 tổng kết tiền bán xăng, dầu, nhót giao cho Nhân, Nhân sẽ cùng với một nhân viên đem tiền nộp vào tài khoản của Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp 99, riêng thứ bảy, chủ nhật, lễ, tết thì nộp tiền trực tiếp cho Công ty.

Đầu năm 2005, do Nhân tiêu xài thâm hụt số tiền bán lẻ nhót 2.000.000 đồng, không tiền đền bù, lo sợ bị Công ty phát hiện nên đồng thời Nhân có ý định chiếm đoạt tiền của Công ty rồi bỏ trốn. Chiều ngày 22/4/2005, Nhân báo hư xe nên không nộp tiền về công ty. Khoảng 17 giờ ngày 23/4/2005, như thường lệ Nhân cùng một nhân viên bán hàng đi giao nộp tiền về Công ty, tuy nhiên Nhân nói với nhân viên bán hàng tên Mai Văn Tính là sẽ chờ vợ là Nguyễn Thị Phấn đến Công ty nộp tiền rồi đi công việc luôn, Tính không cần đi. Sau đó, Nhân lấy xe mô tô Kawasaki Max biển số 65P1-1863 là xe của Công ty giao cho Nhân sử dụng, cùng số tiền bán được trong 02 ngày là **65.589.100 đồng** bỏ trốn.

Ngày 25/4/2005, Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp 99 tiến hành kiểm tra, đối chiếu công nợ tại Chi nhánh 2 phát hiện trong thời gian giao cho Bùi Văn Nh quản lý: lượng xăng, dầu bị mất quy thành tiền là 140.570.000 đồng; nợ đã thu là 95.000.000 đồng; tiền bán bảo hiểm xe máy PJICO là 15.000.000 đồng; số tiền bán xăng, dầu ngày 22, 23/4/2005 là 65.000.000 đồng; xe máy Kawasaki Max biển số 65P1-1863 trị giá 20.000.000 đồng. Công ty đã làm đơn tố cáo gửi Công an thành phố Cần Thơ về việc Bùi Văn Nh chiếm đoạt số tiền của Công ty tổng cộng là 335.570.000 đồng.

Quá trình khởi tố, điều tra Bùi Văn Nh đã bỏ trốn, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ đã ra Quyết định truy nã vào năm 2005.

Tang vật thu giữ:

- 01 xe máy Kawasaki Max biển số 65P1-1863 (thu tại bãi giữ xe của Bệnh viện 30/4 TP cần Thơ);
- 01 đầu máy cũ, 01 tivi hiệu Sony cũ (do Nguyễn Thị Loan giao nộp)

Đến ngày 25/01/2020 khi Nhân đang lẩn trốn tại tổ 6A, khu phố 4, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai thì bị Phòng Cảnh sát hình sự- Công an thành phố Cần Thơ bắt giữ theo lệnh truy nã.

Tại cơ quan điều tra, Nhân thừa nhận đã chiếm đoạt số tiền của Công ty, bao gồm tiền bán hàng 02 ngày 22 và 23/4/2005 là 65.589.100 đồng, số tiền bán lẻ nhót là 2.000.000 đồng. Tổng cộng **67.589.100 đồng**

Qua làm việc với ông Lê Minh Th đại diện cho bà Võ Thị L trước đây là giám đốc đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp 99 (Hiện Công ty đã chấm dứt hoạt động) thì tổng số tiền khi gửi đơn thưa Bùi Văn Nh là 335.570.000 đồng. Vào tháng

5/2005, Công ty đã nhận lại chiếc xe Kawasaki Max biển số 65P1-1863, còn lại số tiền do mất nguyên liệu, tiền nợ đã thu, tiền bán bảo hiểm hiện nay không còn chứng từ lưu giữ, do đó ông Thông không yêu cầu xử lý đối với số tiền trên. Đối với số tiền 67.589.100 đồng bị chiếm đoạt, gia đình Bùi Văn Nh đã nộp khắc phục hậu quả, ông Thông đã nhận đủ và có đơn xin bãi nại và giảm nhẹ hình phạt cho Bùi Văn Nh.

Đối với bà Nguyễn Thị Phấn, qua làm việc bà Phấn khai nhận vào ngày 23/4/2005 bà có đi cùng Bùi Văn Nh, nhưng việc Nhân chiếm đoạt tiền của Công ty rồi bỏ trốn thì bà không biết. Sau khi biết được sự việc bà có yêu cầu Nhân trả lại tiền và xe cho Công ty, đến ngày 01/5/2005 Nhân đã trả lại xe Kawasaki Max biển số 65P1-1863, còn tiền thì Nhân chiếm đoạt tiêu xài hết. Do đó, không đủ căn cứ để xác định vai trò đồng phạm và xử lý đối với bà Phấn.

Đối với đơn tố cáo của Nguyễn Văn Tuấn, Hồ Văn Hiền, Trần Văn Bình là các nhân viên của Chi nhánh 2 về việc ăn chặn tiền cơm với tổng số tiền là 1.400.000 đồng. Do không có địa chỉ rõ ràng nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được và đã ra Thông báo truy tìm bị hại theo quy định.

Tại bản cáo trạng số: 109/CT-VKS, ngày 11 tháng 6 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ truy tố Bùi Văn Nh về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Điểm d Khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa,

-Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Về tội danh thống nhất như tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố; Về các tình tiết giảm nhẹ đề nghị áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ sau: Bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã khắc phục xong hậu quả cho bị hại; Bị cáo phạm tội lần đầu; Bị hại có đơn xin bãi nại, giảm nhẹ cho bị cáo; Bị cáo có nhân thân tốt, nhận thức pháp luật hạn chế; bị cáo lớn tuổi. Từ những căn cứ nêu trên đề nghị xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, xin giảm nhẹ hình phạt. Đối với vật chứng là đầu máy và ti vi đã cũ không còn giá trị sử dụng bị cáo thống nhất đề nghị tịch thu tiêu hủy, không xin nhận lại. Đối với số tiền chiếm đoạt của Công ty mà bị hại hiện nay là bà Võ Thị L, bị cáo xác định chỉ có chiếm đoạt là 67.589.100 đồng, ngoài ra không có chiếm đoạt thêm khoản tiền nào khác, đối với việc thỏa thuận đồng ý bồi thường cho bị hại 165.000.000 đồng là không có, chỉ có đồng ý bồi thường 67.589.100 đồng và đã bồi thường xong.

Bị hại Võ Thị L có đại diện theo ủy quyền ông Lê Minh Th có đơn xin xét xử vắng mặt vào ngày 28/7/2020, đồng thời nội dung đơn thay đổi ý kiến so với quá trình điều tra là cho rằng có thuận với bị cáo là bị cáo phải bồi thường 165.000.000 đồng, đã bồi thường được 65.000.000 đồng, nay nếu bị cáo đồng ý bồi thường thêm 100.000.000 đồng, thì bị hại mới đồng ý xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên cáo trạng, không bổ sung gì thêm, đồng thời phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đề nghị áp dụng các tình tiết

giảm nhẹ cho bị cáo như thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, đã khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo trong quá trình điều tra và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009; Điểm b,s Khoản 1,2 Điều 51; Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Nh từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại số tiền 67.589.100 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (Một) Đầu máy SS4, đã qua sử dụng, trầy xước, hư, không kiểm và 01 (Một) Ti vi hiệu Sony KV-19CXR2 cũ, đã qua sử dụng, trầy xước, hư, không kiểm tra được chất lượng bên trong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra và truy tố đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại gì về thủ tục tố tụng.

[2]. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn Nh thừa nhận vào năm 2005 bị cáo có làm thuê cho Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp 99, địa chỉ chi nhánh tại số 12A, Nguyễn Trãi, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ, với nhiệm vụ được giao theo dõi bán hàng hóa là xăng, dầu, nhớt, báo cáo sổ sách và hàng ngày có trách nhiệm gom tiền bán hàng đem chuyển vào tài khoản Công ty vào lúc 15 giờ hàng ngày, đối với ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, tết thì nộp tiền mặt trực tiếp. Trong quá trình làm việc tại Công ty do bị cáo đã lấy tiền bán nhớt tiêu xài thâm hụt hết 2.000.000 đồng, nên nảy sinh ý định lợi dụng nhiệm vụ được Công ty giao giữ tiền và đăng nộp, để chiếm đoạt và bỏ trốn. Cụ thể vào 22/4/2005 (Thứ bảy) bị cáo đã báo hư xe nên không đi nộp tiền và sang ngày hôm sau khoảng 17 giờ ngày 23/4/2005 (Chủ nhật), như thường lệ bị cáo Nhân cùng với một nhân viên khác sẽ có trách nhiệm đi nộp tiền, nhưng bị cáo đã nói dối với người có trách nhiệm đi cùng là Mai Văn Tính để bị cáo chở vợ là Nguyễn Thị Phấn đi nộp tiền và đi công việc cá nhân luôn. Sau đó bị cáo đã lấy xe mô tô Kawasaki Max biển số 65P1-1863 là xe của Công ty giao cho bị cáo sử dụng, cùng với tiền bán hàng trong 02 ngày là 65.589.100 đồng bỏ trốn và chiếm đoạt số tiền này. Ngày hôm sau bị cáo có quay về trả lại xe mô tô (gửi ở bãi xe), còn đối với số tiền thì chiếm đoạt và bỏ trốn không trả lại.

Do đó, Xét thấy hành vi của bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của người đại diện theo pháp luật của Công ty giao giữ tiền bán hàng và có trách nhiệm đăng nộp cho Công ty về Công ty mỗi ngày, nhưng bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối và lấy tiền bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản của bị hại với tổng số tiền bán hàng xăng dầu trong 02 ngày là 65.589.100 đồng và tiền bán lẻ nhớt 2.000.000 đồng, tổng cộng là 67.589.100 đồng, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 140 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Bị cáo tuy có khả năng lao động, thời điểm phạm tội cũng có việc làm, nhưng không chịu lao động chân chính để tạo ra thu nhập, mà lợi dụng cơ hội và lòng tin của bị hại

để chiếm đoạt tài sản, thỏa mãn cho nhu cầu cá nhân, sau khi phạm tội đã bỏ trốn, trong thời gian bỏ trốn căn cứ các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ mặc dù vợ, con có động viên trở về ra đầu thú, nhưng trong thời gian dài bị cáo không thực hiện; Về tình tiết xin giảm nhẹ của bị hại trong quá trình điều tra bị hại có xin giảm nhẹ, nhưng căn cứ đơn yêu cầu tại phiên tòa đã thay đổi ý kiến, không còn xin giảm nhẹ cho bị cáo.

Do đó, cần thiết phải hình phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt, mới tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào như thật thà khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục bồi thường xong hậu quả cho bị hại.

Đối với bị hại vắng mặt, tuy nhiên đã có lời khai, có đơn xin xét xử vắng mặt, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung. Đối với việc bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm 100.000.000 đồng, cho rằng bị cáo có thỏa thuận đồng ý, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận có thỏa thuận này, chỉ có thống nhất số tiền bồi thường 67.589.100 đồng và đã bồi thường xong. Việc thỏa thuận này không văn bản, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của bị hại.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại số tiền 67.589.100 đồng.

[4]. Về vật chứng của vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) Đầu máy SS4, đã qua sử dụng, trầy xước, hư, không kiểm và 01 (Một) Ti vi hiệu Sony KV-19CXR2 cũ, đã qua sử dụng, trầy xước, hư, không kiểm tra được chất lượng bên trong. Do bị cáo thống nhất yêu cầu tịch thu tiêu hủy.

[5]. Xét lời trình bày bào chữa của luật sư cho bị cáo là có căn cứ chấp nhận một phần như cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ thật thà khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục hậu quả. Còn các tình tiết phạm tội lần đầu là không đủ điều kiện áp dụng, do theo quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 và Điểm I Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 thì tình tiết phạm tội lần đầu phải thuộc trường ít nghiêm trọng, còn bị cáo phạm tội bị truy tố, xét xử ở khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự là thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng; Đối với tình tiết bị hại xin giảm nhẹ hình phạt là cũng không thể áp dụng do bị hại đã có đơn thay đổi yêu cầu không xin giảm nhẹ cho bị cáo nếu bị cáo không bồi thường thêm 100.000.000 đồng.

[6]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đối với yêu cầu bồi thường thêm số tiền 100.000.000 đồng của bị hại không được chấp nhận, lẽ ra bị hại phải nộp án phí phần không được chấp nhận này, tuy nhiên miễn án phí cho bị hại, do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm d Khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, Điểm b,s Khoản 1 Điều 51, Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;
- Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Văn Nh** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt: **Bùi Văn Nh 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù**

Thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2020.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

-Công nhận bị cáo Bùi Văn Nh đã bồi thường xong bồi thường cho bị hại Võ Thị L số tiền **67.589.100** đồng (Sáu mươi bảy triệu, năm trăm tám mươi chín ngàn, một trăm đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu của bị hại Võ Thị L về việc yêu cầu bị cáo Bùi Văn Nh bồi thường thêm số tiền **100.000.000** đồng (Một trăm triệu đồng).

-Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) Đầu máy SS4, đã qua sử dụng, trầy xước, hư, không kiểm tra và 01 (Một) Ti vi hiệu Sony KV-19CXR2 cũ, đã qua sử dụng, trầy xước, hư, không kiểm tra được chất lượng bên trong.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Bùi Văn Nh phải nộp **200.000** đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm : Miễn án phí cho bị hại Võ Thị L

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo. Đối với bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND Q. Ninh Kiều;
- Chi Cục THA Q. Ninh Kiều;
- Công an Q. Ninh Kiều;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Các cơ quan có liên quan theo quy định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

BÙI XUÂN ÁNH